| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHƠN TRẠCH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/11/2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoài Đức Huệ.
2. Bà Trần Thanh Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch*** *tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Đình Tứ, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 391/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1980
Địa chỉ thường trú: Tổ 43, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ tạm trú: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Dương Quốc B, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Chị A có mặt, anh B vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2019, bản tự khai ngày 05/6/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào

ngày 10/9/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn, phụ giúp gia đình mà còn chơi bài bạc, nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng thương xuyên gây gỗ nhau. Do không chịu đựng được nên từ năm 2014, Chị và anh B đã sống ly thân nhau và đến giữa năm 2018 Chị đã dọn đồ đạc ra thuê nhà trọ ở riêng. Vào năm 2016, Chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, qua hòa giải Chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi dù Chị và gia đình hai bên đã khuyên can rất nhiều lần. Kể từ khi ra sống nhà trọ, vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết được ly hôn anh B.

Về con chung: Cháu Dương Quốc M, sinh ngày 23/3/2005 và cháu Dương Quốc T, sinh ngày 06/7/2013. Hai cháu do Chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa Chị khai, cháu M có nguyện vọng được sinh sống với anh B, Chị đồng ý và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, còn anh B có nợ ai hay không, Chị không biết.

- Bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh B.

*Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh B.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho chị A được ly hôn anh B.

Giao cháu T cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh B nuôi dưỡng.

Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 24/4/2019, chị A có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh B. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện

anh Dương Quốc B có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh B nhưng Anh vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Dương Quốc B.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết*: Quan hệ hôn nhân và gia đình của chị A, anh B được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu luật (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị A và anh B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Nhơn Trạch vào ngày 10/9/2003, do cả hai cùng tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị A yêu cầu ly hôn, anh B vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được theo quy định. Xét, mâu thuẫn vợ chồng (theo lời chị A trình bày) thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2008. Nguyên nhân chính là do anh B không lo làm ăn, phụ giúp gia đình mà còn chơi bài bạc, nhậu nhẹt, mặc dù đã được chị A và gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi để cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Lời khai của ông Dương Quốc P, cha ruột anh B cũng xác định nguyên nhân chính dẫn đến chị A ly hôn cũng giống như lời chị A trình bày; hơn nữa vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc nên xử cho chị A được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] *Về con chung:* Có 02 cháu tên Dương Quốc M, sinh ngày 23/3/2005 và cháu Dương Quốc T, sinh ngày 06/7/2013, do chị A đang nuôi dưỡng. Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu M có nguyện vọng được sinh sống với anh B. Do anh B vắng mặt nên

không biết được yêu cầu của Anh như thế nào để xem xét. Tại phiên tòa chị A đồng ý để cháu M được sinh sống với anh B theo nguyện vọng của cháu.

Xét,việc giao con cho ai được nuôi dưỡng cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thực tế, chỗ ở của các bên, điều kiện để phát triển về mọi mặt của con từ thể chất đến tinh thần, việc học hành và nguyện vọng của con. Tại bản tự khai ngày 05/6/2019, cháu M có nguyện vọng được sinh sống với anh B. Theo lời khai của chị A thì Chị có việc làm và thu nhập ổn định và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, Chị nuôi con luôn được đảm bảo tốt. Vì vậy, xử giao cháu T cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh B được nuôi dưỡng nhằm giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần, thể chất và cuộc sống của các con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con  nên không xét.

[7] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết và anh B không có lời khai không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị A khai không có, anh B không có lời khai không xem xét

[9] Về án phí: Chị A chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[10] Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228  Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ  Điều 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A đối với anh Dương Quốc B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

Về con chung: Giao cháu Dương Quốc T, sinh ngày 06/7/2013 cho chị A được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Giao cháu Dương Quốc M, sinh ngày 23/3/2005 cho anh B nuôi dưỡng.

Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, chị A, anh B vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị A, anh B có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000706 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Chị A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhơn Trạch;
- THADS H.Nhơn Trạch;
- UBND xã L, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Mỹ**